**Môn KHTN 6 - Ma trận đề thi kiểm tra đánh giá cuối học kì 1**

**Năm học 2022 - 2023**

**KHUNG MA TRẬN**

***- Thời điểm kiểm tra:****Kiểm tra đánh giá cuối học kì 1 khi kết thúc nội dung: Chủ đề 7: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ (hết bài 20 nội dung phân phối chương trình của tuần 14)*

***- Thời gian làm bài:****60 phút.*

***- Hình thức kiểm tra:****Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

***- Cấu trúc:***

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 4 câu, vận dụng: 8), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm*(Nhận biết: 2,0; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm). Mỗi câu tự luận gồm 03 ý câu hỏi, câu trả lời và điểm từng ý thầy cô linh động thống nhất ở các trường.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN / Số ý tự luận** | | **Điểm số** |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **1/** Chủ đề 1: Các phép đo  Bài 4: Đo độ dài  Bài 5: Đo khối lượng | 1 câu 3 ý a, b, c |  |  | 1 câu |  | 2 câu |  |  | **1 câu** 3 ý a, b, c | **3 câu** | **2,75đ** |
| **2**/ Chủ đề 2: Các thể của chất  Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. tính chất của chất. |  | 1 câu |  | 1 câu |  |  |  |  |  | **2 câu** | **0,5đ** |
| **3/** Chủ đề 3: Oxygen và không khí  Bài 9: Oxygen  Bài 10: Không khí và bải vệ môi trường không khí |  | 2 câu |  |  |  | 2 câu | 1 câu |  | **1 câu** | **4 câu** | **2,0đ** |
| **4**/ Chủ đề 4: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng  Bài 14: Một số lương thực thực phẩm. |  |  | 1 câu 3 ý a, b, c |  |  |  |  |  | **1 câu** 3 ý a, b, c |  | **2đ** |
| **5**/ Chủ đề 5: Chất tinh khiết – hỗn hợp. Phương pháp tách các chất  Bài 15: Chất tinh khiết – hỗn hợp. |  | 1 câu |  | 1 câu |  | 2 câu |  |  |  | **4 câu** | **1đ** |
| 6/ Chủ đề 6: Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống  Bài 17: Tế bào |  | 2 câu |  |  |  | 2 câu |  |  |  | **4 câu** | **1 đ** |
| 7/ Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể  Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào. |  | 2 câu |  | 1 câu |  |  |  |  |  | **3 câu** | **0,75đ** |
| **Số câu** | **1** | **8 câu** | **1 câu** | **4 câu** |  | **8 câu** | **1 câu** |  | **3 câu** | **20 câu** | **23 câu** |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** |  | **2,0** | **1,0** | **0** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Số câu hỏi theo mức độ YCCĐ** | | |
| **Biết** | **Hiểu** | **Vận dụng** |
| **1/** CHỦ ĐỀ 1: CÁC PHÉP ĐO | Bài 4: Đo chiều dài | 1. Nhận biết  - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật.  - Nêu được các khái niệm về giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất |  |  |  |
| 2. Thông hiểu  Đọc GHĐ và ĐCNN của một loại thước bất kì. |  | **1** |  |
| Bài 5: Đo khối lượng | 1. Nhận biết   - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. | **1** |  |  |
| 1. Thông hiểu  * Đọc GHĐ và ĐCNN của một loại cân bất kì. |  |  |  |
| 1. Vận dụng  * Xác định giới hạn đo, độ chia nhỏ nhất của cân và khối lượng của vật. * Đổi đơn vị đo |  |  | **2** |
| 2/ CHỦ ĐỀ 2: CÁC THỂ CỦA CHẤT | Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất. | 1. Nhận biết   - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể rắn, lỏng, khí.  - Nêu được các khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc. | **1** |  |  |
| 2. Thông hiểu  - Phân biệt được vật thể và chất  - Phân biệt được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo  - Phân biệt được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hóa học) qua các ví dụ cụ thể. |  | **1** |  |
| **3/** CHỦ ĐỀ 3 OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ | Bài 9: Oxygen | 1. Nhận biết   Nêu được một số tính chất của Oxygen | **1** |  |  |
| 2. Thông hiểu  Xác định tầm quan trọng của Oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu |  |  |  |
| 3. Vận dụng  - Giải thích vai trò của oxi trong tự nhiên và trong cuộc sống |  |  | **1** |
| Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí | 1. Nhận biết   * Nêu được thành phần của không khí * Nêu được vai trò của không khí đối với tự nhiên và con người. | **1** |  |  |
| 2. Thông hiểu  - Phân biệt được các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.  - Giải thích được vì sao lượng oxygen trong không khí hầu như không đổi. |  |  |  |
| 3. Vận dụng  Đề xuất một số biện pháp nhằm bảo vệ bầu không khí ở trường học hoặc nơi ở. |  |  | **2** |
| 4/ CHỦ ĐỀ 4  MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG; TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG | Bài 14: Một số lương thực thực phẩm. | 1. Thông hiểu  * Trình bày được một số tính chất và ứng dụng của lương thực * Nêu được một sô dấu hiệu nhận biết: thực phẩm bị hỏng và người bị ngộ độc thực phẩm. * Trình bày được các biện pháp để giữ vệ sinh an toàn thực phẩm. |  | **1** |  |
| 5/ CHỦ ĐỀ 5  CHẤT TINH KHIẾT – HỖN HỢP. PHƯƠNG PHÁP TÁCH CÁC CHẤT | Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp | 1. Nhận biết  * Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp * Nêu được các khái niệm: dung dịch, chất tan, dung môi | **1** |  |  |
| 1. Thông hiểu  * Phân biệt được chất tinh khiết và hỗn hợp từ các ví dụ minh họa. * Quan sát được một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương |  | **1** |  |
| 1. Vận dụng  * Ứng dụng một số chất tinh khiết và hỗn hợptrong cuộc sống; giải thích một số hiện tượng liên quan đến chất tinh khiết. |  |  | **2** |
| 6/ CHỦ ĐỀ 6  TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG | Bài 17: Tế bào | 1. Nhận biết  * Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào * Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào. | **2** |  |  |
| 1. Thông hiểu  * Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực; tế bào động vật và tế bào thực vật |  |  |  |
| 1. Vận dụng  * Giải thích các hiện tượng liên quan đến sự lớn lên và sinh sản của tế bào. * Nêu được ý nghĩa của quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào |  |  | **2** |
| 7/ CHỦ ĐỀ 7  TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ | Bài 20: Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào | 1. Nhận biết  * Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. * Kể tên các cơ quan thuộc hệ hô hấp hoặc tiêu hóa ở người. | **2** |  |  |
| 1. Thông hiểu   Trình bày được mối quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. |  | **1** |  |

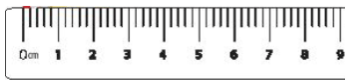
|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS, THPT TRẦN CAO VÂN**  ( Đề có 4 trang) | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Môn thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**  *Thời gian: 60 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ và tên thí sinh**:................................................................**số báo danh**:......................................

**A. PHẦN TRẮC NGIỆM: 5,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1.** Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



**A.** Giới hạn đo là 9 mm và độ chia nhỏ nhất là 1 mm.

**B.** Giới hạn đo là 9 cm và độ chia nhỏ nhất là 1 cm.

**C.** Giới hạn đo là 9 cm và độ chia nhỏ nhất là 2 mm.

**D.** Giới hạn đo là 9 mm và độ chia nhỏ nhất là 2 cm.

**Câu 2.** Cân một túi hoa quả, kết quả là 14 533 g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

**A.** 1 g.  **B.** 5 g.  **C.** 10 g. **D.** 100 g.

**Câu 3.** Cách đổi đơn vị nào sau đây là đúng?

**A.** 1kg = 100g **B.** 1 tạ = 100 kg **C.** 1 g = 0,01 kg **D.** 500 g = 5 kg

**Câu 4.** Sự ngưng tụ là gì?

**A.** Là sự hóa hơi xảy ra ngay cả trên bề mặt và trong lòng chất lỏng.

**B.** Là quá trình chất chuyển từ thể lỏng sang thể hơi.

**C.** Là sự hóa hơi xảy ra trên mặt chất lỏng.

**D.** Là quá trình chất chuyển từ thể hơi sang thể lỏng.

**Câu 5.** Vật nào sau đây gọi là vật thể tự nhiên?

**A.** Cây cỏ. **B.** Con thuyền.

**C.** Ngôi nhà. **D.** Quần áo.

**Câu 6.** Ở điều kiện thường, oxygen là

**A.** chất lỏng, màu vàng lục. **B.** chất lỏng, không màu.

**C.** chất khí, màu vàng lục. **D.** chất khí, không màu.

**Câu 7.** Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

**A.** Oxygen.                               **B.** Hydrogen.

**C.** Nitrogen.                             **D.** Carbon dioxide.

**Câu 8.** Tại sao trong đầm nuôi tôm thường lắp đặt hệ thống quạt nước

**A.** Làm tăng lượng oxygen tan trong nước để tôm có đủ oxygen để hô hấp.

**B.** Giúp giảm nhiệt độ của nước.

**C.** Làm đẹp đầm nuôi tôm.

**D.** Giúp phân bố đều thức ăn cho tôm.

**Câu 9.** Hoạt động nông nghiệp nào sau đây **không**làm ô nhiễm không khí?

**A.** Đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.

**B.** Tưới nước cho cây trồng.

**C.** Bón phân tươi cho cây trồng.

**D.** Phun thuốc trừ sâu để phòng sâu bọ phá hoại cây trồng.

**Câu 10.** Hai chất lỏng không hòa tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì được gọi là

**A.** dung dịch.                     **B.** huyền phù. **C.** nhũ tương.                    **D.** chất tinh khiết.

**Câu 11.** Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

**A.** Nước mưa.                    **B.** Nước khoáng. **C.** Nước cất.                **D.** Nước biển.

**Câu 12.** Sữa magic (magnesium hydroxide là chất rắn lơ lửng trong nước) được dùng làm thuốc trong y học để chữa bệnh khó tiêu, ợ chua. Sữa magie thuộc loại

**A.** dung dịch. **B.** huyền phù. **C.** nhũ tương. **D.** hỗn hợp đồng nhất.

**Câu 13.** Muốn hoà tan được nhiều muối ăn vào nước, ta **không nên** sử dụng phương pháp nào dưới đây?

**A.** Nghiền nhỏ muối ăn. **B.** Đun nóng nước.

**C.** Vừa cho muối ăn vào nước vừa khuấy đều. **D.** Bỏ thêm đá lạnh vào.

**Câu 14.** Tế bào là

**A.** đơn vị cơ sở của sự sống.

**B.** đơn vị cấu tạo của tất cả các vật thể.

**C.** đơn vị cấu tạo của tất cả các nguyên liệu.

**D.** đơn vị cơ bản của tất cả các vật liệu.

**Câu 15.** Đặc điểm của tế bào nhân thực là

**A.** có thành tế bào. **B.** có chất tế bào.

**C.** có màng nhân bao bọc vật chất di truyền. **D.** có lục lạp.

**Câu 16.** Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

**A.** 8. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 2.

**Câu 17.** Sự phân chia của tế bào có ý nghĩa gì đối với sinh vật ?

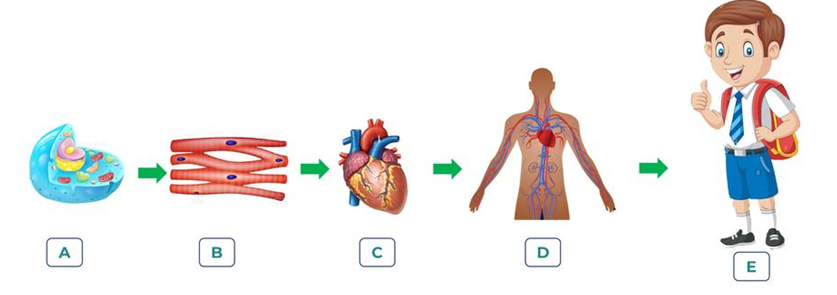
**A.** Là cơ sở cho sự lớn lên và sinh sản của sinh vật.

**B.** Giúp sinh vật lớn lên.

**C.** Giúp tế bào tăng lên về kích thước các thành phần tế bào.

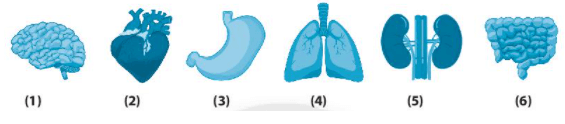
**D.** là cơ sở để tế bào lớn lên.

**Câu 18.** Cấp độ tổ chức cơ thể trong hình B là



**A.** Tế bào **B.** Mô **C.** Cơ quan **D.** Cơ thể

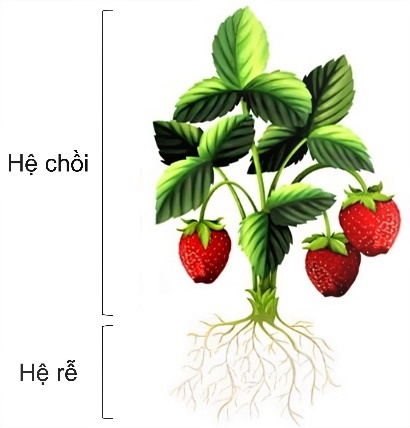
**Câu 19.** Quan sát một số cơ quan trong hình sau:



Hệ tiêu hóa gồm các cơ quan nào sau đây?

**A.** (2), (3)               **B.** (3), (4) **C.** (3), (5)               **D.** (3), (6)

**Câu 20.** Dựa vào sơ đồ mối quan hệ: cơ quan - cơ thể thực vật (hình vẽ) cho biết các hệ cơ quan cấu tạo nên cây dâu tây.

****

**A.** Hệ thân, hệ chồi và hệ rễ. **B.** Hệ chồi và hệ rễ.

**C.** Hệ chồi và hệ thân. **D.** Hệ rễ và hệ thân.

**PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 21.** **(2 điểm)**

1. Tại sao khi đo khối lượng của một vật bằng cân, cần ước lượng khối lượng của vật trước khi đo?
2. Nêu đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay.
3. Em hãy chọn một loại cân thích hợp để đo khối lượng của cơ thể em.

**Câu 22.** **(1 điểm)** Ô nhiễm không khí ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người? Em hãy đề xuất một số biện pháp nhằm bảo vệ bầu không khí ở trường học hoặc nơi ở của em.

**Câu 23.** **(2 điểm)** Hiện tượng ngộ độc thực phẩm tập thể ngày càng nhiều. Trong đó, không ít vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trong trường học.

1. Em hãy nêu một số nguyên nhân dẫn đến ngộ độc thực phẩm.
2. Nêu một số dấu hiệu nhận biết khi người bị ngộ độc thực phẩm.
3. Làm thế nào để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm?

-----------**HẾT**----------

**(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS, THPT TRẦN CAO VÂN** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6** |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1- C** | **2 - A** | **3 - B** | **4 - D** | **5 - A** | **6 - D** | **7 - C** | **8 - A** | **9 - B** | **10 - C** |
| **11 - C** | **12 - B** | **13- D** | **14 - A** | **15 - C** | **16 - D** | **17 - A** | **18 - B** | **19 - D** | **20 - B** |

**PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 21**  **(2,0 điểm)** | **a.** Khi đo khối lượng của một vật bằng cân cần ước lượng khối lượng của nó, từ đó lựa chọn loại cân phù hợp để phép đo được chính xác. | 1,0 |
| **b.** Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta hiện nay là kilôgam (kilogram). | 0,5 |
| **c.** Cân y tế thích hợp để đo khối lượng của cơ thể. | 0,5 |
| **Câu 22**  **(1,0 điểm)** | Ô nhiễm không khí gây ra các bệnh về đường hô hấp, các bệnh về da, làm tăng nguy cơ mắc các bệnh ung thư,… | 0,5 |
| Một số biện pháp nhằm bảo vệ bầu không khí:   * Thu gom và xử lý rác thải đúng quy định. * Trồng nhiều cây xanh. * Sử dụng xe đạp làm phương tiện đi lại. * Sử dụng nhiên liệu hợp lí, tiết kiệm. | 0,5 |
| **Câu 23**  **(2,0 điểm)** | *(HS nêu đúng từ 2 nguyên nhân, 2 dấu hiệu, 2 cách phòng ngừa thì cho đủ điểm)*  Một số nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm:   * Thực phẩm quá hạn sử dụng. * Thực phẩm nhiễm khuẩn. * Thực phẩm nhiễm hóa chất độc hại. * Thực phẩm được chế biến không đảm bảo quy trình vệ sinh. | 0,75 |
| Một số dấu hiệu nhận biết khi người bị ngộ độc thực phẩm:   * Đau bụng. * Tiêu chảy. * Sốt. * Nôn, ói. | 0,5 |
| Để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, cần lưu ý:  - Ăn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, còn hạn sử dụng;  - Kiểm tra kĩ thực phẩm trước khi ăn;  - Đảm bảo thực phẩm đưa vào chế biến trước khi ăn là thực phẩm sạch, không nhiễm hóa chất độc hại;  - Chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. | 0,75 |

***(Học sinh giải theo cách khác đúng vẫn cho đủ điểm)***